



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                           |                                                                  |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1756/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 17/06/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                                |                                                                                                                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                                     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2</b><br><b>CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN –</b><br><b>NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 2</b> |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br><i>Place of testing:</i>                                             | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                     |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br><i>Type of testing:</i>                                            | Thảm cao su cách điện trung áp<br><i>Medium voltage insulating rubber carpet</i>                                                              |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                         | 01 tấm / 01 Pcs                                                                                                                               |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br><i>Method of testing:</i>                                        | ETSC/QT-19; TCVN 9626: 2013; TCVN 5589-91; TCVN 3624 – 81;<br>959/QĐ-EVN; Tài liệu kỹ thuật NSX; Theo yêu cầu khách hàng.                     |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                             | 14÷16/06/2025                                                                                                                                 |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                                                 | Loại/ <i>Type</i> : THẨM CAO SU CÁCH ĐIỆN 10KV                                                                                                |
|                                                                                                | Kích thước/ <i>Size</i> : (1.000x1.000x8,0)mm                                                                                                 |
|                                                                                                | Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture</i> : 05/2024                                                                                            |
|                                                                                                | Điện áp làm việc lớn nhất/ <i>Maximum working voltage</i> : 10kV                                                                              |
|                                                                                                | Số quản lý/ <i>Serial No</i> : Số phiếu 549                                                                                                   |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br><i>Testing equipment:</i>                                        | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                       |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                               |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br><i>Testing result:</i>                                              | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                                         |
| 11. Tem thử nghiệm:<br><i>Testing stamp No:</i>                                                | 1233/25/ETSC                                                                                                                                  |
| 12. Kết luận:<br><i>Conclusion</i>                                                             | Thảm cao su cách điện trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / <i>The above insulating rubber carpet meets technical standards</i>                      |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 06/2027<br><i>Recommended next testing period:</i> |                                                                                                                                               |

Người Thực Hiện

*Executor*

Nguyễn Đức Tiến Luyện

GIÁM ĐỐC

*Director*



Nguyễn Quốc Hoàn



|                                                                                                             |                                                                  |                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|  Số/ No: 1756/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 17/06/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
 Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan/ Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                             | So sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Nhãn mác/ Label                                              | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 2         | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 3         | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                         | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện/ Insulation resistance:**

| Đối tượng<br>Object                                     | Trước khi thử cao thế/<br>Before trying so high<br>(MΩ) | Sau khi thử cao thế/<br>After trying so high<br>(MΩ) | Đánh giá<br>Evaluate |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|
| Thảm – Khung dẫn điện dưới thảm<br>Rubber carpet - Case | > 50.000                                                | > 50.000                                             | Đạt/ Pass            |

**10.3 Thử điện áp xoay chiều - đo dòng điện rò/ AC voltage test - leakage current measurement:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                        | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>(mA) | Kết quả<br>Result<br>(mA) | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| 1         | Thảm – Khung dẫn điện dưới thảm<br>Rubber carpet - Case | 15,0kV/60s                                 | ≤ 20,0                                   | < 20,0                    | Đạt/ Ok            |

**10.4 Thử điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                   | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Kiểm tra độ bền điện môi/ Test dielectric strength | 15kV/60s                                   | Chịu được/ Pass   | Đạt/ Ok            |